TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BỈM SƠN,** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
Số:59/2020/QĐST- HNGĐ	*Bỉm Sơn, ngày 28 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
==========

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, Điều 397, Điều 212, Điều 213, khoản 3 Điều 144, khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án mục 1.1 phần B danh mục về lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý 77/ 2020/ TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020, về việc " Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh **Nguyễn Hữu B** - sinh năm: 1985

Nơi cư trú: Số 135, đường 1A, khu phố 8, phường B, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị **Nguyễn Thị D** - sinh năm: 1991

HKTT: Khu phố Nguyễn Trãi, thị trấn L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Đội 1, thôn Yên Bằng, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Tại Bản tự khai và quá trình giải quyết vụ việc dân sự, anh Nguyễn Hữu Biên và chị Nguyễn Thị D trình bày:

Anh Nguyễn Hữu B và chị Nguyễn Thị D đã tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại UBND phường Bắc Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa vào năm 2013. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn,

cãi vã do không tìm được tiếng nói chung. Anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2017 đến nay (chị D bỏ đi khi đang mang bầu cháu thứ ba). Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hai bên cùng thống nhất ly hôn để giải thoát cho nhau và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

Xét việc thuận tình ly hôn của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Hữu B và chị Nguyễn Thị D

[2] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là: Nguyễn Thị Ngọc Anh (nữ) sinh ngày 11/ 7/ 2014, Nguyễn Thị Bảo Ngọc (nữ), sinh ngày 10/ 10/ 2016, Nguyễn Hữu Minh Nhật (nam), sinh ngày 16/ 9/ 2018. Hai bên thỏa thuận anh Biên trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Ngọc Anh và cháu Nguyễn Hữu Minh Nhật, còn chị Diệp trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Bảo Ngọc và hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh chị đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con sau khi ly hôn cho anh chị.

Việc thỏa thuận về việc nuôi con giữa những người yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của những người yêu cầu được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 20 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Hữu B và chị Nguyễn Thị D

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc Anh (nữ) sinh ngày 11/ 7/ 2014 và cháu Nguyễn Hữu Minh Nhật (nam), sinh ngày 16/ 9/ 2018 cho anh Nguyễn Hữu Biên và giao cháu Nguyễn Thị Bảo Ngọc (nữ), sinh ngày 10/ 10/ 2016 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi

các cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và có khả năng lao động; Anh B và chị D không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự anh Nguyễn Hữu B và chị Nguyễn Thị D mỗi người phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Hai bên thống nhất chuyển số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ mà anh B đã nộp, theo biên lai thu số: AA/2017/0006303 ngày 06 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bỉm Sơn sang phần lệ phí cho anh chị. Như vậy, các đương sự đã thi hành xong khoản lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đươngsự;
- VKSND thị xã Bỉm Sơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bỉm Sơn
- UBND phường B- Bỉm Sơn (Đk: năm 2013);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Tống Thị Hà